

Số: 56 /NQ-HĐND

Thanh Hội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Quyết toán ngân sách năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THẠNH HỘI
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ Chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 19/07/2023 của HĐND thành phố Tân Uyên về việc dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Sau khi xem xét Tờ trình số 380/TTr-UBND ngày 25 tháng 06 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Hội về việc quyết toán ngân sách năm 2023; Báo cáo thẩm tra của ban kinh tế-xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định quyết toán ngân sách năm 2023, như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước là 22.486.486.925 đồng (Hai mươi hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng), trong đó thu NSNN trên địa bàn là 309.186.229 đồng (Ba trăm lẻ chín triệu một trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi chín đồng).

Tổng chi ngân sách nhà nước là 22.486.486.925 đồng (Hai mươi hai tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Chi chuyển nguồn theo quy định là 5.934.239.515 đồng (Năm tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi chín ngàn năm trăm mười lăm đồng).

Kèm theo các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP gồm:

- Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm 2023: Biểu mẫu số 48;
- Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm 2023: biểu mẫu số 50;



- Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm 2023: biểu mẫu số 51;
- Quyết toán chi ngân sách cấp Xã theo lĩnh vực năm 2023: biểu mẫu số 52;
- Quyết toán chi ngân sách cấp Xã cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2023: biểu mẫu số 54;
- Quyết toán chi đầu tư phát triển cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2023: biểu mẫu số 55;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai quyết toán ngân sách năm 2022 theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa IV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND-UBND Thành phố Tân Uyên;
- Phòng Tư pháp (Kiểm tra);
- Đại biểu HĐND xã;
- Đảng ủy-UBND-UBMTTQ xã;
- CT, PCT, TV. UBND xã;
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Lợi





QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Thanh Hội)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	21,857,000	22,486,486	629,486	103%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	490,000	309,186	-180,814	63%
-	Thu NSDP hưởng 100%	490,000	272,745	-217,255	56%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	0	36,441	36,441	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15,323,000	16,132,707	809,707	105%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	11,662,000	11,662,000	0	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3,661,000	4,470,707	809,707	122%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Thu kết dư	462,000	462,147	147	100%
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5,582,000	5,582,446	446	100%
B	TỔNG CHI NSDP	21,395,000	22,486,488	1,091,488	105%
I	Tổng chi cân đối NSDP	15,813,000	16,552,248	739,248	105%
1	Chi đầu tư phát triển	3,661,000	3,546,786	-114,214	97%
2	Chi thường xuyên	11,905,000	13,005,462	1,100,462	109%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
5	Dự phòng ngân sách	247,000	246,780	-220	100%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0	0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	5,582,000	5,934,240	-352,240	106%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		0	0	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	0	0	0	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0	0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0	0	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	0	0	0	
I	Vay để bù đắp bội chi	0	0	0	
II	Vay để trả nợ gốc	0	0	0	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP	0	0	0	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và trả nợ gốc vay.

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	6,645,000	6,534,000	6,353,779	6,317,339	97%	97%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	601,000	490,000	309,186	272,746	51%	56%
I	Thu nội địa	601,000	490,000	309,186	272,746	51%	56%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân		0	0	0		
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			249			
8	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4,000	1,000	720		18%	0%
9	Lệ phí trước bạ	135,000	27,000	35,471		26%	0%
10	Thu phí, lệ phí	35,000	35,000	27,316	27,316	78%	78%
-	Phí và lệ phí trung ương	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí tỉnh	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí huyện	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí xã, phường	35,000	35,000	27,316	27,316	78%	78%
11	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
12	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35,000	35,000	50,180	50,180	143%	143%
13	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0	0	0		



14	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0		
15	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0	0		
18	Thu khác ngân sách	332,000	332,000	195,250	195,250	59%	59%
19	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	60,000	60,000	0	0		
20	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	0	0	0	0		
21	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)	0	0	0	0		
22	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)	0	0	0	0		
II	Thu từ dầu thô	0	0	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0	0		
1	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0		
2	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
6	Thu khác	0	0	0	0		
IV	Thu viện trợ	0	0	0	0		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	0	0	0	0		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	462,000	462,000	462,147	462,147	100%	100%
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	5,582,000	5,582,000	5,582,446	5,582,446	100%	100%



Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	21,395,000	22,486,488	105%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15,813,000	16,552,248	105%
I	Chi đầu tư phát triển	3,661,000	3,546,786	97%
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	0	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	0	0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	0	0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0	0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	3,661,000	3,546,786	97%
II	Chi thường xuyên	11,905,000	12,758,682	107%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	400,000	371,164	93%
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	
V	Dự phòng ngân sách	247,000	246,780	100%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	5,582,000	5,934,240	106%

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	21,395,000	22,486,486	1,091,486	105%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	19,900,000	20,504,530	604,530	103%
I	Chi đầu tư phát triển	3,661,000	3,546,786	-114,214	97%
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	0	0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	0	0	0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0	0	0	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
-	Chi văn hóa thông tin	0	0	0	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	
-	Chi thể dục thể thao	0	0	0	
-	Chi bảo vệ môi trường	0	0	0	
-	Chi các hoạt động kinh tế	0	0	0	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0	0	0	
-	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
-	Chi đầu tư khác	0	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	3,661,000	3,546,786	-114,214	97%
II	Chi thường xuyên	11,905,000	13,005,461	1,100,461	109%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	400,000	371,164	-28,836	93%

-	Chi khoa học và công nghệ (2)	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	1,916,800	1,982,863	66,063	103%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1,027,000	1,081,472	54,472	105%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	18,000	19,740	1,740	110%
-	Chi văn hóa thông tin	100,000	147,480	47,480	147%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	80,000	87,490	7,490	109%
-	Chi thể dục thể thao	150,000	149,229	-771	99%
-	Chi bảo vệ môi trường	127,000	125,644	-1,356	99%
-	Chi các hoạt động kinh tế	272,000	272,794	794	100%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7,459,200	8,469,608	1,010,408	114%
-	Chi bảo đảm xã hội	355,000	297,977	-57,023	84%
-	Chi thường xuyên khác	0	0	0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	0	0	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	0	0	0	
V	Dự phòng ngân sách	247,000	246,780	-220	100%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4,087,000	3,952,283	0	97%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	1,495,000	1,981,956		133%

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



QUYẾT TOÀN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TÒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, ngày 30 tháng 7 năm 2023 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Tên đơn vị	Quyết toán															So sánh (%)	
		Dự toán					Thực hiện					Chi chương trình MTQG					Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi hỗ trợ dự trữ tài chính (2)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	TỔNG SỐ	21,395,000	3,661,000	17,734,000	22,486,486	3,546,786	18,939,700	0	0	0	0	0	5,934,239	207%	100%	107%		
1	CÁC CƠ QUAN, TÒ CHỨC	15,566,000	3,661,000	11,905,000	16,552,247	3,546,786	13,005,461	0	0	0	0	0	0	109%		109%		
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	2,943,800	0	2,943,800	3,064,335	0	3,064,335	0	0	0	0	0	0	104%		104%		
	- Chi dân quân tự vệ	1,916,800	0	1,916,800	1,982,863	0	1,982,863	0	0	0	0	0	0	103%		103%		
	- Chi an ninh trật tự	1,027,000	0	1,027,000	1,081,472	0	1,081,472	0	0	0	0	0	0	105%		105%		
2	Chi giáo dục, đào tạo	400,000	0	400,000	371,164	0	371,164	0	0	0	0	0	0	93%		93%		
3	Chi tăng cường, chuyển giao công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4	Chi y tế	18,000	0	18,000	19,740	0	19,740	0	0	0	0	0	0	110%		110%		
5	Chi văn hóa, thông tin	100,000	0	100,000	147,480	0	147,480	0	0	0	0	0	0	147%		147%		
6	Chi phát thanh, truyền thanh	80,000	0	80,000	87,490	0	87,490	0	0	0	0	0	0	109%		109%		
7	Chi thể dục, thể thao	150,000	0	150,000	149,229	0	149,229	0	0	0	0	0	0	99%		99%		
8	Chi bảo vệ môi trường	127,000	0	127,000	125,644	0	125,644	0	0	0	0	0	0	99%		99%		
9	Chi các hoạt động kinh tế	1,933,000	1,661,000	272,000	1,419,580	1,146,786	272,794	0	0	0	0	0	0	100%		100%		
	- SV giao thông	1,761,000	1,661,000	100,000	1,236,875	1,146,786	90,089	0	0	0	0	0	0	90%		90%		
	- SV nông - lâm - thủy lợi - hải sản - chăn nuôi	100,000	0	100,000	110,705	0	110,705	0	0	0	0	0	0	0%		0%		
	- SV thị chính	72,000	0	72,000	72,000	0	72,000	0	0	0	0	0	0	0%		0%		



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TÒ CHỨC THEO LĨNH VỰC

NĂM 2023

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)



Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND xã Thanh Hội)

Biểu mẫu số 55

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)	
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1	
	TỔNG SỐ																			
1	Quản lý Nhà nước	3,556,000	3,546,786																3,546,786	100%